

Mẫu số 7.6. PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ THIẾU HỤT DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CỦA HỘ CẬN NGHÈO

TT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo											
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	Khu vực nông thôn													
	Xã Phú Hữu													
1	Ấp Phú Lợi	16	11	12	6	16	7	0	0	0	0	0	0	0
2	Ấp Phú Quới	3	2	2	1	3	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Ấp Phú Hiệp	64	50	55	20	64	3	2	0	0	0	0	0	0
4	Ấp Phú Hòa	82	57	65	29	82	51	6	0	0	0	0	0	0
5	Ấp Phú Thành	38	30	31	15	38	17	5	2	2	0	0	1	0
6	Ấp Phú Thạnh	62	44	52	26	62	29	0	0	0	0	0	0	0
7	Ấp Vĩnh Thạnh	52	39	43	23	52	30	0	0	0	0	0	0	0
8	Ấp Vĩnh Phước	91	78	68	32	91	45	1	0	0	0	0	0	0
9	Ấp Vĩnh Lợi	89	66	77	31	89	44	0	0	0	0	0	0	0
10	Ấp Vĩnh Hưng	60	56	56	27	60	28	0	0	0	0	0	0	0
11	Ấp Vĩnh Phát	39	28	35	19	39	11	0	0	0	0	0	1	0
Tổng cộng		596	461	496	229	596	266	14	2	2	0	0	2	0

Ghi chú	1: Việc làm	3: Dinh dưỡng	5: Trình độ giáo dục của người lớn	7: Chất lượng nhà ở	9: Nguồn nước sinh hoạt	11: Sử dụng dịch vụ viễn thông
	2: Người phụ thuộc trong gia đình	4: Bảo hiểm y tế	6: Tình trạng đi học của trẻ em	8: Diện tích nhà ở bình quân đầu người	10: Nhà tiêu hợp vệ sinh	12: Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin